Danh mục vật tư dự phòng rủi ro/thay thế cho các hệ thống của Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

(Đính kèm Công văn số: 582 */NMĐTB2-TM ngày* 08/4/2026*)*

Stt	Hệ thống/Thiết bị	Mã vật tư	Tên hàng hóa/vật tư	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
I	**Vật tư dự phòng rủi ro/thay thế cho thiết bị chính phần turbine-máy phát, các van hơi chính turbine và các bơm dầu bôi trơn**							
1	Máy Phát điện		SILICON RUBBER	Toshiba	2KC117673P106	Cái	2	Báo giá
2	Máy Phát điện		Threebond	Toshiba	1102	Cái	2	Báo giá
3	Máy Phát điện		St. COIL VARNISH	Toshiba	2KC117673P102	Bộ	1	Báo giá
4	Máy Phát điện		SEALING OIL (SILICONE OIL)	Toshiba	4KC101000P001	Hộp	5	Báo giá
5	Máy Phát điện		TAR EPOXY	Toshiba	SLE10085 manual	Cái	15	Báo giá
6	Máy Phát điện		THREE BOND 1521	Toshiba	2KC117673P107	Bộ	3	Báo giá
7	Máy Phát điện		Keo dán gasket ThreeBond	Toshiba	Keo dán gasket ThreeBond 1212 (100gr/tuýp)	Bộ	3	Báo giá
8	Máy Phát điện		Keo làm kín Hydro máy phát	Toshiba	Sealing Compound ET-1	Tuýp	4	Báo giá
9	Máy Phát điện		CONTACT GREASE	Toshiba	B9 Grease	Bộ	3	Báo giá
10	Máy Phát điện		MAINTENANCE OIL	Toshiba	MAINTENANCE OIL	Bộ	1	Báo giá
11	Máy Phát điện		COLLECTOR DC BUS BAR	Toshiba	2KC117673P123	Bộ	1	Báo giá
II	**Vật tư dự phòng rủi ro, thay thế phục vụ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ các hệ thống phụ trợ của Tuabin - máy phát cho các tổ máy năm 2026**							
1	Bơm chuyển nước ngưng	50402041	Sleeve	DUKJI	Mat. A276-316/NO. 310	Bộ	2	Báo giá
2	Bộ gia nhiệt cao áp số 7 11LAD10AC007	58562165	Gasket manhole ngoài	Wooyang	Φ 480± 1x t10x 450 x 5 x C2 x R5 Material: SA516-70	Cái	1	Báo giá
3	Bơm hút chân không	50154009	ROLLER BEARING	Tsurumi	P/No. 21	Cái	2	Báo giá
4	Bơm hút chân không	48572204	O RING	Tsurumi	P/No. 40	Cái	4	Báo giá
5	Động cơ nước làm mát kín	50107108	Vòng bi	SKF	6308C3	Cái	2	Báo giá
III	**Vật tư dự phòng rủi ro, thay thế phục vụ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ Lò hơi chính, lò hơi phụ và các hệ thống phụ trợ cho các tổ máy năm 2026**							
1	Tường buồng lửa,Tường nước phễu lạnh,	24601023	Ống sinh hơi (ống đúc)	BWBC	Φ60x6 Material: SA-210C	Mét	32	Báo giá

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 881/CV-PTM/2026

Stt	Hệ thống/Thiết bị	Mã vật tư	Tên hàng hóa/vật tư	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
2	Bao hơi	58562153	Boiler Drum Gaskets (Roăng làm kín cho cửa manhole bao hơi) Drawing: B&WB50021.7-97 Gasket size : Ø446/Ø406 Part no: PN1620100001-1-1	BWBC	Gasket size : Ø446/Ø406	Cái	4	Báo giá
3	Máy cấp than	48897020	Băng tải L=4390 Type: spliced belt; L=4390; B=826mm Model: EG2490-4390	Shengyang/ china	Conveyor belt, L=4.390; B826 Conveyor belt, L=1990; B826 (Băng tải đúc)	Cái	4	Báo giá
4	Giàn ống quá nhiệt mành	24618054	Ống trao đổi nhiệt upflow	BWBC	Φ51x7 Material: SA213T91	Mét	6	Báo giá
5	Giàn ống đầu ra quá nhiệt cấp 2	24618057	Ống trao đổi nhiệt	BWBC	Φ42x6 Material: SA213T91	Mét	6	Báo giá
6	Giàn ống tái nhiệt đầu vào	24618061	Ống trao đổi nhiệt RH bank #4	BWBC	Φ60x4 Material: SA213T22	Mét	11	Báo giá
7	Giàn ống đầu ra tái nhiệt	24618062	Ống trao đổi nhiệt	BWBC	Φ60x4 Material: SA213T91	Mét	5	Báo giá
8	Bộ hâm	24635102	Tấm ốp chống mài mòn	BWBC	Material: A167TP304HR26, L=1500, dày 3mm	Cái	100	Báo giá
9	Bộ hâm	24635103	Đai ôm tấm ốp	BWBC	Material: 0Cr18Ni9 R30, L=20, dày 3mm	Cái	200	Báo giá
10	Bản thể lò	24601057	Ống nước bản thể lò hơi phụ (ống đúc)		Ø60.3x3.91 Vật liệu SA106B	m	5	Báo giá
IV	**Vật tư dự phòng rủi ro, thay thế phục vụ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ năm 2026 cho hệ thống khói gió**							
1	Quạt gió cấp 2 nhánh A (FDF - A)	53004009	Séc măng làm kín cho piston điều chỉnh góc mở cánh cho FDF	TLT Turbo	No6. Guide Ring, No.7 Set of seal	Bộ	1	Báo giá
2	Khớp nối giãn nở đầu vào SCR trước giàn phun NH3	48151156	Bạt khớp nối giãn nở	S&T Corporation		Bộ	1	Báo giá
3	Khớp nối giãn nở đầu vào SCR sau giàn phun NH3	48151157	Bạt khớp nối giãn nở	S&T Corporation		Bộ	1	Báo giá
4	Khớp nối giãn nở đầu thoát SCR	48151158	Bạt khớp nối giãn nở	S&T Corporation		Bộ	1	Báo giá
5	Khớp nối giãn nở đường Bypass SCR	48151159	Bạt khớp nối giãn nở	S&T Corporation		Bộ	1	Báo giá
6	Phễu chứa xỉ đáy lò	48151160	Bạt cotton chịu nhiệt cho giãn nở đáy lò.	Quingdao Sizhou		Bộ	1	Báo giá
7	Phễu chứa xỉ đáy lò	48151161	Bạt cotton chịu nhiệt cho giãn nở đáy lò.	Quingdao Sizhou		Bộ	1	Báo giá

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 881/CV-PTM/2026

Stt	Hệ thống/Thiết bị	Mã vật tư	Tên hàng hóa/vật tư	Hãng sản xuất	Thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
V	**Vật tư van các loại cho các hệ thống phục vụ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ**							
1	Van an toàn loại cơ hệ thống quá nhiệt	51934034	Disc	GE	Part No. 9, material: Inconel X750, Valve KKS: 12LBA10AA603	Cái	1	Báo giá
2	Máy đo nhiệt độ TP500	50107157	Vòng bi	SKF	6305ZC4	Cái	4	Báo giá
VI	**Vật tư dự phòng rủi ro, thay thế phục vụ bảo dưỡng sửa chữa định kỳ năm 2026 cho các hệ thống dùng chung**							
1	Băng tải 2 chiều		Pedestal bearing	SKF	UCP213	Bộ	1	Báo giá
2	Các pulley tripper car		Lock nut KM36	Timken	KM36	Cái	2	Báo giá
3	Các pulley tripper car		Vòng hãm MB36	Timken	MB36	Cái	2	Báo giá
VII	**Vật tư dự phòng rủi ro, thay thế phục vụ BDSC định kỳ năm 2026 cho hệ thống điện tự dùng và điều khiển**							
1	Thiết bị transmitter nhiệt độ và đầu do RTD, TC nhiệt độ	34422011	Thiết bị đo nhiệt độ bồn dầu	Jumo	2x, -50 to 60 độ, Type 902230/40PT100	Cái	1	Báo giá
2	Tủ điều khiển động cơ Dry-type slag conveyor	35068046	Rơ le nhiệt	Schneider	LRD-04C	Cái	1	Báo giá
3	Thiết bị van điều khiển bằng khí nén Control valve (dạng màng)	34599023	Filter & Regualtor	SMC	AW30-N03DG-B, range set press 0.05-0.85Mpa	Cái	20	Báo giá

daihv - 16:45 08/04/2026

Văn bản được tải lên hệ thống eoffice.pvpgb.vn. Với số định danh: 881/CV-PTM/2026